

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số: 210/2023/HSST
Ngày: 31/10/2023*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà.
Các hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Minh Trí.
- Bà Lê Thị Phương Anh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Hà - Thư ký tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 159/2023/TLST- HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 214/2023/QĐXXST-HS ngày 12/10/2023, Quyết định tạm ngừng phiên toà số 01/2023/HSST – QĐ ngày 26/10/2023 đối với bị cáo:

1. Nguyễn Thanh T; Giới tính: N, Sinh năm 1999 tại tỉnh Bình Thuận; Nơi ĐKKHKT: khu phố D, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: khu phố C, phường Đ, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Nguyễn Văn V, sinh năm 1976; Con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1980; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” “Có mặt”.

2. Nguyễn Trường S; Giới tính: N, Sinh năm 2001 tại tỉnh Bình Thuận; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: khu phố D, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Lao động biển; Con ông: Nguyễn Văn V, sinh năm 1976; Con bà: Nguyễn Thị B, sinh năm 1980; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt ngày 11/7/2023 theo Quyết định truy nã số 08 ngày 08/3/2023, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P.” “Có mặt”.

*** Người bị hại:**

1/Trần Ngọc T1, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Trú tại: khu phố G, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2/Đinh Tiến M, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

Trú tại: khu phố D, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

3/Nguyễn Võ Đình L, sinh năm 1995 (Có mặt).

Trú tại: khu phố G, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

*** Người làm chứng:**

A, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận

2/ Võ Văn L1, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 23 giờ ngày 17/7/2022, Nguyễn Thanh T đang ngồi nhậu cùng với bạn tên Ba Đ (không rõ nhân thân) tại quán N2 thuộc khu phố F, phường B, thành phố P thì Nguyễn Trường S (sinh năm 2001, trú tại khu phố D, phường P, thành phố P, là em ruột của T) gọi điện hỏi T đang ở đâu, T nói đang nhậu ở quán N2 nên S đến. Tại đây T, S và Ba Đ ngồi nhậu trên lề đường trước quán N2, nhóm của Trần Ngọc T2 (sinh năm 1997, trú tại khu phố G, phường P, thành phố P), Đinh Tiến M1 (sinh năm 1996, trú tại khu phố D, phường P, thành phố P), Nguyễn Võ Đình L2 (sinh năm 1995, trú tại khu phố G, phường P, thành phố P), Phan Văn H (sinh năm 1997, trú tại thôn T, xã T, thành phố P), Võ Văn L1 (sinh năm 1994, trú tại thôn T, xã H, huyện H) cũng đang ngồi nhậu cạnh bàn của T.

Trong lúc nhậu, H đi qua bàn nhậu của T để mượn hộp quẹt hút thuốc và xảy ra to tiếng với nhóm của T. Lúc này, T dùng điện thoại gọi cho H1 (không rõ nhân thân) mượn 01 cây mã tấu, H1 đồng ý, một lúc sau H1 gọi điện thoại lại cho T và nói T đến Tượng Ba ông trên đường T để lấy nên T bảo S đi lấy hung khí đến đánh nhóm của T2 thì S đồng ý. S điều khiển xe mô tô chạy đến địa điểm trên lấy 01 cây mã tấu màu đen bằng kim loại dài 55cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 40cm, báng rộng 06cm màu đen, phần cán ốp gỗ dài 15cm. H ngồi bên cạnh nghe T nói S đi lấy hung khí nên H đi qua bàn nhậu của T, H nói với T: “*Thôi nhậu say rồi về ngủ anh ơi, đừng lấy dao chém người ta em báo Công an đó*”, nói xong H quay lại bàn nhậu, còn T đi bộ đến ngã tư gần quán N2 chờ S quay lại. Khoảng 15 phút sau, S điều khiển xe mô tô đến gặp T, T nói: “*Thôi bỏ đi*” nhưng S nói “*Kệ tôi*” rồi S chạy xe đến dừng trước quán N2, S lấy cây mã tấu màu đen bằng kim loại dài 55cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 40cm, báng rộng 06cm màu đen, phần cán ốp gỗ dài 15cm từ trên xe ra, chạy đến chỗ nhóm của T2 đang nhậu, S lao vào chém nhóm của T2. S cầm cây mã tấu bằng tay phải chém trúng kẻ ngón tay phải của T2 rồi S dùng mã tấu chém tiếp trúng ngón tay và bàn tay phải của Đinh Tiến M1, tiếp đến, S dùng mã tấu chém trúng bàn tay trái, bàn tay phải, bàn chân phải của Nguyễn Võ Đình L2. Bị S dùng mã tấu chém nên nhóm của T2 dùng chai bia và bàn ghế đánh trả lại S và không chừa S và lấy được cây mã tấu của S. Trong lúc S cầm mã tấu chém nhóm của T2 thì T và Ba Đ (không rõ nhân thân) cầm ghế nhựa ném về phía nhóm của T2, T rượt đuổi dùng tay đánh H, H bỏ chạy nên bị thương tích nhẹ.

Ngày 29/7/2022, Trần Ngọc T2, Đinh Tiến M1 và Nguyễn Võ Đình L2 có đơn xin giám định thương tích và yêu cầu xử lý hình sự đối với những người đã gây ra thương tích cho T2, M1 và L2.

Tại Bản kết luận giám định số 579 ngày 28/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận thương tích của Nguyễn Võ Đình L2 như sau:

- Vết thương phần mềm mặt mu đốt 1 ngón IV bàn tay trái đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 0,8 x 0,5 cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.
- Vết thương phần mềm mặt lòng ngón IV bàn tay phải đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 1 x 0,1cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.
- Sây sát da mặt mu ngón III bàn tay phải đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 0,6 x 0,1cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.
- Vết thương mặt mu bàn chân phải, đứt động mạch mu chân phải, đứt gân duỗi ngón I, ngón II bàn chân phải đã được phẫu thuật điều trị, hiện hạn chế gấp duỗi ngón I bàn chân phải; để lại sẹo vết thương trùng với sẹo vết mổ hình chữ Z kích thước: 17 x 0,3cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 3% + 2% + 4%.
- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Nguyễn Võ Đình L2 hiện tại là: 11%.
- Các vết thương ngón IV bàn tay trái, ngón IV bàn tay phải, bàn chân phải do vật sắc gây ra; sây sát da ngón III bàn tay phải do vật tày gây ra.
- Các vết thương, sây sát có chiều hướng lực tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

- Hiện tại không xác định cố tật.

Tại kết luận giám định số 580 ngày 28/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận thương tích của Trần Ngọc T2 như sau:

- Vết thương phần mềm kẽ ngón I, II bàn tay phải đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành, kích thước: 2,5 x 0,1,cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%.
- Không thấy vết thương kẽ ngón II, III bàn tay phải như mô tả trong giấy chứng nhận thương tích do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P cung cấp.
- Không thấy vết thương ngón III bàn chân trái như mô tả trong giấy chứng nhận thương tích do Cơ quan CSĐT Công an thành phố P cung cấp.
- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Trần Ngọc T2 hiện tại là: 1%.
- Vết thương kẽ ngón tay I, II bàn tay phải do vật sắc gây ra.
- Vết thương kẽ ngón I, II bàn tay phải có chiều hướng lực tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

- Hiện tại không xác định cố tật.

Tại Bản kết luận giám định số 581 ngày 28/10/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận thương tích của Đinh Tiến M1 như sau:

- Vết thương mặt mu đốt 2 ngón I bàn tay phải, đứt móng ngón I đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 2,5 x 0,1 cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 1%+1%.

- Vết thương ngón II bàn tay phải đã được phẫu thuật điều trị, hiện để mồm cắt đốt 1 ngón II bàn tay phải; sẹo vết thương trùng với sẹo vết mổ kích thước: 7 x 0,1cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 8% + 2%.

- Vết thương phần mềm mặt mu khớp liên đốt 1,2 ngón III bàn tay phải đã được điều trị, hiện để lại sẹo lành kích thước: 0,6 x 0,2 cm. Tỷ lệ tổn thương cơ thể là 1 %.

- Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho Đinh Tiến M1 hiện tại là: 13%.

- Các vết thương do vật sắc gây ra.

- Các vết thương có chiều hướng tác động theo tư thế cơ năng của cơ thể với vật gây thương.

- Hiện tại không xác định cố tật.

Vật chứng của vụ án:

- 01 cây mã tấu màu đen bằng kim loại dài 55cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 40cm, báng rộng 06cm màu đen, phần cán ốp gỗ dài 15cm, là hung khí S dùng chém gây thương tích cho L2, M1, T2.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave Alpha màu trắng, biển số 86K1-9998, là xe mô tô S điều khiển đến đánh nhóm của T2.

- 01 USB bên trong có chứa 04 dữ liệu điện tử dạng video ghi lại sự việc 02 nhóm đánh nhau tại quán N2 vào ngày 17/7/2022.

Xử lý vật chứng:

01 cây mã tấu là hung khí của vụ án, Viện kiểm sát thành phố P ra Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết bảo quản, chờ xử lý.

Xe mô tô biển số 86K1-9998 của chủ sở hữu Trần Thị Thiên N1 (sinh năm 1967, trú tại khu phố A, phường Đ, thành phố P). Qua xác minh tại phường Đ không có ai tên Trần Thị Thiên N1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục tạm giữ xe mô tô trên để làm rõ xử lý sau.

Đối với 01 USB được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án để phục vụ cho việc xét xử.

Về dân sự: Trần Ngọc T2 yêu cầu bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, Đinh Tiến M1 yêu cầu bồi thường số tiền 100.000.000 đồng, Nguyễn Võ Đình L2 yêu cầu bồi thường số tiền 50.000.000 đồng. Nguyễn Thanh T và Nguyễn Trường S chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 165/CT-VKS ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết đã truy tố Nguyễn Trường S và Nguyễn Thanh T về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại điểm b, đ khoản 02 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phân tích hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm b, đ khoản 02 Điều 134; điểm s khoản 01 Điều 51 xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T, Nguyễn Trường S mức án từ 30 đến 36 tháng tù.

Về bồi thường dân sự: Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Nguyễn Trường S với bị hại L2 như sau: bị cáo T, bị cáo S liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Võ Đình L2 số tiền là 20.000.000 đồng là tiền chi phí điều trị thương tích và được chia phần như sau: Bị cáo T bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng, bị cáo S bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Nguyễn Trường S liên đới bồi thường cho ông Trần Ngọc T2 số tiền là 5.000.000 đồng tiền chi phí điều trị thương tích và được chia phần như sau: Bị cáo T bồi thường số tiền là 2.500.000 đồng, bị cáo S bồi thường số tiền là 2.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Nguyễn Trường S liên đới bồi thường cho ông Đinh Tiến M1 số tiền là 100.000.000 đồng tiền chi phí điều trị thương tích và được chia phần như sau: Bị cáo T bồi thường số tiền là 50.000.000 đồng, bị cáo S bồi thường số tiền là 50.000.000 đồng.

Các bị cáo không trình bày lời bào chữa, không tranh luận gì với Kiểm sát viên đồng thời thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như lời kết tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là đầy đủ và tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về căn cứ buộc tội bị cáo: *Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:*

Vào khoảng 23 giờ ngày 17/7/2022, tại quán N2 thuộc khu phố F, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do mâu thuẫn nhỏ nhặt với nhóm của Trần Ngọc T2 nên bị cáo Nguyễn Thanh T có hành vi bảo vệ bị cáo Nguyễn Trường S đi lấy hung khí là 01 cây mã tấu màu đen bằng kim loại dài 55cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 40cm, băng rộng 06cm màu đen, phần cán ốp gỗ dài 15cm đem đến để đánh nhóm của T2, bị cáo S có hành vi dùng cây mã tấu trên chém trúng vào kẻ ngón tay phải của T2 gây thương tích với tỷ lệ 1%; chém trúng vào ngón tay và bàn tay phải của Đinh Tiến M1 gây thương tích với tỷ lệ 13% và chém trúng vào bàn tay trái, bàn tay phải, bàn chân phải của Nguyễn Võ Đình L2 gây thương tích với tỷ lệ 11%. Trong lúc bị cáo S dùng mã tấu chém nhóm của T2 thì bị cáo T có hành vi cầm ghế nhựa ném về vào nhóm của T2, bị cáo T rượt đuổi và dùng tay không đánh H, nhưng không gây thương tích gì cho H.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định điểm b, đ khoản 02 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo

trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết truy tố các bị cáo với tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo cho thấy, các bị cáo là người đã trưởng thành, ý thức được hành vi của mình đối với xã hội, thế nhưng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt không đáng mà bị cáo S đã có hành vi dùng mã tấu chém anh T2 gây thương tích với tỷ lệ 1%, anh M1 gây thương tích với tỷ lệ 13%, anh L2 gây thương tích 11%. Bị cáo T có hành vi rượt đuổi, cầm ghế nhựa ném về nhóm của T2. Hành vi cố ý gây thương tích của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện bản chất hung hăng côn đồ, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý bằng biện pháp hình sự nghiêm khắc nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Thanh T là người khởi xướng việc đánh nhau; bị cáo Nguyễn Trường S là người trực tiếp gây ra thương tích cho Trần Ngọc T2, Đinh Tiến M1 và Nguyễn Võ Đình L2 nên khi quyết định hình phạt đối với 2 bị cáo có mức án ngang nhau là có cơ sở.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

- Tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình điều tra, truy tố các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 01 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là có căn cứ. Đồng thời đối với mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trên cơ sở cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có xem xét nhân thân của các bị cáo, xét thấy hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội nên việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là cần thiết

[5] Biện pháp tư pháp:

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại L2 yêu cầu 2 bị cáo bồi thường số tiền là 20.000.000 đồng. Bị cáo T, S đồng ý bồi thường cho bị hại L2, do đó công nhận sự thỏa thuận giữa 2 bị cáo và bị hại L2.

Đối với bị hại T2 có đơn xin xử vắng mặt và có yêu cầu bồi thường số tiền là 5.000.000 đồng, bị hại M1 có đơn xin xử vắng mặt và có yêu cầu bồi thường số tiền là 100.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo S, T đồng ý bồi thường cho các bị hại. Do đó, buộc cáo S, T bồi thường cho bị hại T2, M1 là đúng theo quy định pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: 01 cây mã tấu màu đen bằng kim loại 55cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 40cm, bả rộng 06cm màu đen, phần cán ốp gỗ dài 15cm là vật chứng của vụ án nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô biển số 86K1-9998 của chủ sở hữu Trần Thị Thiên N1 (sinh năm 1967, trú tại khu phố A, phường Đ, thành phố P). Qua xác minh tại phường Đ không có ai tên Trần Thị Thiên N1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục tạm giữ xe mô tô trên để làm rõ xử lý sau là đúng theo quy định pháp luật.

Đối tượng tên Ba Đ có hành vi cầm ghế nhựa ném; đối tượng H1 cung cấp mã tấu để T và S chém nhóm của T2, do không rõ nhân thân nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý là đúng theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm b, đ khoản 02 Điều 134; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Trường S, Nguyễn Thanh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thanh T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Xử phạt: Nguyễn Trường S 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/7/2023.

+ Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 584; Điều 585; Điều 590; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Nguyễn Trường S với bị hại L2 như sau: bị cáo T, bị cáo S liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Võ Đình L2 số tiền là 20.000.000 đồng là tiền chi phí điều trị thương tích và được chia phần như sau: Bị cáo T bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng, bị cáo S bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Nguyễn Trường S liên đới bồi thường cho ông Trần Ngọc T2 số tiền là 5.000.000 đồng tiền chi phí điều trị thương tích và được chia phần như sau: Bị cáo T bồi thường số tiền là 2.500.000 đồng, bị cáo S bồi thường số tiền là 2.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thanh T và bị cáo Nguyễn Trường S liên đới bồi thường cho ông Đinh Tiến M1 số tiền là 100.000.000 đồng tiền chi phí điều trị thương tích và được chia phần như sau: Bị cáo T bồi thường số tiền là 50.000.000 đồng, bị cáo S bồi thường số tiền là 50.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng: điểm c khoản 02 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 01 Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Tuyên: tịch thu tiêu huỷ 01 cây mã tấu màu đen bằng kim loại dài 55cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 40cm, băng rộng 06cm màu đen, phần cán ốp gỗ dài 15cm là vật không còn giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 137 ngày 10/7/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Phan Thiết).

- Về án phí: Căn cứ khoản 02 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. bị cáo Nguyễn Trường S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 3.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người bị hại L2. Quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của bị cáo, người bị hại L2 là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/10/2023). Quyền kháng cáo của bị hại vắng mặt tại phiên toà là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:

- VKSND tp Phan Thiết;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Công an tp Phan Thiết;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND địa phương nơi b/c thường trú;
- Thi hành án thành phố Phan Thiết;
- Lưu hồ sơ.

TM – HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Thu Hà

